

Số: **06/2018/QĐST-KDTM**

*Quận 5, ngày 07 tháng 02 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 211 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự về Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: **04/2014/TLST-KDTM** ngày 14 tháng 01 năm 2014 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

**1.1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A;**

Địa chỉ trụ sở chính: Số A Hàng B, phường C, quận D, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H - Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức Kh.

**1.2. Bị đơn: Công ty Cổ phần B;**

Địa chỉ trụ sở chính: Số A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang Th - Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần B;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Hương Gi.

**1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**1.3.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần C** (tên gọi cũ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã được sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần C);

Địa chỉ trụ sở chính: Số A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức danh: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần C;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức Kh.

**1.3.2. Công ty TNHH Phòng khám đa khoa D;**

Địa chỉ trụ sở chính: Số A đường B, Phường C Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Hương Gi - Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa D.

1.3.3. Ông **Bùi Việt V**, sinh năm 1958;

Thường trú: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình;

Tạm trú: Số A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (tên gọi cũ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã được sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần C) và Công ty Cổ phần B xác nhận việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (tên gọi cũ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã được sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần C) đã bán toàn bộ số nợ của các Hợp đồng tín dụng số: **030/03/2011** ngày 28 tháng 3 năm 2011, Hợp đồng tín dụng số: **093/10/11** ngày 20 tháng 10 năm 2011 và Hợp đồng tín dụng số: **035/07/12** ngày 31 tháng 7 năm 2012 của Công ty Cổ phần B cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A theo Hợp đồng mua, bán nợ (Thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt) số: 3384/2016/MBN.VAMC2-SACOMBANK ngày 29 tháng 9 năm 2016 đã được ký kết giữa bên mua nợ là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A và bên bán nợ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (tên gọi cũ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã được sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần C), trong đó có cả số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (tên gọi cũ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã được sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần C) đã nộp.

2.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (tên gọi cũ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã được sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần C) và Công ty Cổ phần B đã tự nguyện thỏa thuận và đồng ý về việc Công ty Cổ phần B còn nợ và phải có nghĩa vụ thanh toán (có nghĩa vụ trả nợ) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam các khoản nợ của 03 (Ba) Hợp đồng tín dụng cụ thể sau đây:

2.2.1. Công ty Cổ phần B còn nợ và phải có nghĩa vụ thanh toán (có nghĩa vụ trả nợ) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi được tính đến hết ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Hợp đồng tín dụng số: **030/03/2011** ngày 28 tháng 3 năm 2011 và Phụ kiện hợp đồng tín dụng (V/v Điều chỉnh thời hạn Hợp đồng tín dụng) số: 030/03/10.PK.01 ngày 14 tháng 5 năm 2012 đã được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (tên gọi cũ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã được sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần C) với Công ty Cổ phần B và đã giải ngân theo Lệnh giải ngân ngày 29 tháng 3 năm 2011 và Phiếu giải ngân chuyển khoản ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (tên gọi cũ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã được sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần C) (bên cho vay - bên giải ngân) cho Công ty Cổ phần B (bên vay - bên nhận tiền giải ngân) tổng số tiền là **137.634.645.045 đồng** {Một trăm ba mươi bảy tỷ sáu trăm ba mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn không trăm bốn mươi lăm đồng (trong số tiền này gồm có

53.000.000.000 đồng là tiền nợ gốc, 59.347.044.445 đồng là tiền lãi trong hạn, 22.137.069.444 đồng là tiền lãi quá hạn và 3.150.531.156 đồng là tiền lãi phạt}.

Công ty Cổ phần B còn phải tiếp tục chịu thêm khoản tiền lãi quá hạn kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2018 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán nêu trên {số tiền nợ gốc là 53.000.000.000 đồng (Năm mươi ba tỷ đồng)}, theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: **030/03/2011** ngày 28 tháng 3 năm 2011 và Phụ kiện hợp đồng tín dụng (V/v Điều chỉnh thời hạn Hợp đồng tín dụng) số: 030/03/10.PK.01 ngày 14 tháng 5 năm 2012 cho đến khi thanh toán xong hết khoản nợ gốc này.

Việc thanh toán khoản nợ này sẽ được Công ty Cổ phần B thực hiện hàng tháng trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 6 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2019 (đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2019 phải trả dứt khoản nợ này) và mỗi tháng Công ty Cổ phần B phải thanh toán (phải trả nợ) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A số tiền tối thiểu là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đối với khoản nợ này thì trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 6 năm 2018 đến trước ngày 31 tháng 3 năm 2019 Công ty Cổ phần B được quyền có văn bản gửi cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A để xin xem xét miễn giảm lãi, việc xem xét có đồng ý miễn giảm lãi cho Công ty Cổ phần B hay không là thuộc thẩm quyền quyết định của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A.

2.2.2. Công ty Cổ phần B còn nợ và phải có nghĩa vụ thanh toán (có nghĩa vụ trả nợ) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A 02 (Hai) khoản nợ là khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số: **093/10/11** ngày 20 tháng 10 năm 2011 với số tiền nợ gốc là **6.000.000.000 đồng** (Sáu tỷ đồng) đã được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (tên gọi cũ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã được sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần C) với Công ty Cổ phần B và đã giải ngân theo Lệnh giải ngân ngày 21 tháng 10 năm 2011 và Phiếu giải ngân chuyển khoản ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (tên gọi cũ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã được sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần C) (bên cho vay - bên giải ngân) cho Công ty Cổ phần B (bên vay - bên nhận tiền giải ngân) và khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số: **035/07/12** ngày 31 tháng 7 năm 2012 với số tiền nợ gốc là **3.000.000.000 đồng** (Ba tỷ đồng) đã được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (tên gọi cũ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã được sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần C) với Công ty Cổ phần B và đã giải ngân theo Lệnh giải ngân ngày 31 tháng 7 năm 2012 và Phiếu giải ngân chuyển khoản ngày 31 tháng 7 năm 2012 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (tên gọi cũ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã được sáp nhập vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần C) (bên cho vay - bên giải ngân) cho Công ty Cổ phần B (bên vay - bên nhận tiền giải ngân).

Đối với 02 (Hai) khoản nợ này Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A đã tự nguyện và đồng ý cho Công ty Cổ phần B thanh toán (trả nợ) gốc và lãi theo mức lãi suất 5,5%/ 01 năm, (Năm phẩy năm phần trăm một năm), cụ thể là tính đến ngày 31 tháng 01 năm 2018 số nợ mà Công ty Cổ phần B phải thanh toán (phải trả nợ) cả gốc và lãi của (02 (Hai) Hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền là **12.024.083.330 đồng** {Mười hai tỷ không trăm hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi đồng (trong số tiền này gồm có 9.000.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 3.024.083.330 đồng là tiền lãi)}; đối với số

tiền nợ này Công ty Cổ phần B phải có nghĩa vụ thanh toán (phải có nghĩa vụ trả nợ) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A chậm nhất là vào ngày 07 tháng 3 năm 2018. Nếu Công ty Cổ phần B không thực hiện việc thanh toán số nợ này cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A đúng thời hạn quy định thì Công ty Cổ phần B phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi được tính theo quy định của 02 (Hai) hợp đồng nêu trên, cụ thể là: Công ty Cổ phần B phải có nghĩa vụ thanh toán (phải có nghĩa vụ trả nợ) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A số tiền là **23.687.356.505 đồng** {Hai mươi ba tỷ sáu trăm tám mươi bảy triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm lẻ năm đồng (trong số tiền này gồm có 9.000.000.000 đồng là tiền nợ gốc, 10.224.750.000 đồng là tiền lãi trong hạn, 4.160.800.000 đồng là tiền lãi quá hạn và 301.806.505 đồng là tiền lãi phạt)}.

Trường hợp Công ty Cổ phần B không thanh toán các khoản tiền nợ của hai hợp đồng đã nêu trên cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A thì Công ty Cổ phần B còn phải tiếp tục chịu thêm khoản tiền lãi quá hạn kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2018 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán của 02 (Hai) hợp đồng tín dụng nêu trên, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong hết khoản nợ gốc của hai hợp đồng này.

Trường hợp Công ty Cổ phần B thực hiện đúng theo như thỏa thuận nêu trên {Công ty Cổ phần Nhật Quân Anh thanh toán xong số tiền là **12.024.083.330 đồng** (Mười hai tỷ không trăm hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi đồng) nêu trên và lãi phát sinh} thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A phải có nghĩa vụ giải chấp và trả lại toàn bộ hồ sơ thế chấp đối với hai tài sản thế chấp là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) đối với căn nhà tọa lạc tại địa chỉ số A đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, nằm trong Thửa đất số: K, Tờ bản đồ số: L (Sơ đồ nền) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất có Hồ sơ gốc số: 754 do Ủy ban nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 02 năm 2004 cho Công ty Cổ phần B và Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Thửa đất số M, Tờ bản đồ số E, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AL 620105, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01569/11 do Ủy ban nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 11 năm 2007 cho Công ty Cổ phần B.

**3. Việc thanh toán nợ do hai bên tự thực hiện hoặc được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.**

Nếu Công ty Cổ phần B vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào nêu trên thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp sau đây để thu hồi nợ: Tài sản thứ nhất là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) đối với căn nhà tọa lạc tại địa chỉ số A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, nằm trong Thửa đất số: 6, Tờ bản đồ số: 2 BĐĐC P.6/Q.5 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất có Hồ sơ gốc số: 201/2008/GCN-QSHNỞ & QSDĐO do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 8 năm 2008 cho chủ sở hữu là Công ty Cổ phần B đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ngày 28 tháng 3 năm 2011 đã được công chứng chứng thực tại Phòng Công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 05866 Quyển số: 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28 tháng 3 năm 2011 đã được

đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh theo hồ sơ số 001707 ngày 29 tháng 3 năm 2011; Tài sản thứ hai là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) đối với căn nhà tọa lạc tại địa chỉ số A đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, nằm trong Thửa đất số: K, Tờ bản đồ số: L (Sơ đồ nền) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất có Hồ sơ gốc số: 754 do Ủy ban nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 02 năm 2004 cho Công ty Cổ phần B đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ngày 20 tháng 10 năm 2011 đã được công chứng chứng thực tại Phòng Công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 20372 Quyền số: 10/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20 tháng 10 năm 2011 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh theo hồ sơ số 009015 ngày 24 tháng 10 năm 2011 và tài sản thứ ba là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Thửa đất số M, Tờ bản đồ số E, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AL 620105, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01569/11 do Ủy ban nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 11 năm 2007 cho Công ty Cổ phần B đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ngày 31 tháng 7 năm 2012 đã được công chứng chứng thực tại Phòng Công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 20259 Quyền số: 7/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31 tháng 7 năm 2012 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh theo hồ sơ số 005638 ngày 31 tháng 7 năm 2012.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm nêu trên được phát mãi mà không đủ thanh toán nợ (không đủ để trả nợ) thì Công ty Cổ phần B còn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền nợ còn lại (số tiền nợ còn lại sau khi đã khấu trừ tiền phát mãi tài sản bảo đảm) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A cho đến khi thanh toán xong hết các khoản nợ.

Trường hợp phải phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì Công ty Cổ phần B, Công ty TNHH Phòng khám đa khoa D và ông Bùi Việt V cùng tự nguyện đồng ý và cam kết sẽ di dời khỏi căn nhà số A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển đi nơi khác để giao lại nhà cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện việc phát mãi tài sản theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự; ngoài ra Công ty Cổ phần B còn tự nguyện và đồng ý giao lại căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số A đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, nằm trong Thửa đất số: K, Tờ bản đồ số: L (Sơ đồ nền) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất có Hồ sơ gốc số: 754 do Ủy ban nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 02 năm 2004 cho Công ty Cổ phần B cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện việc phát mãi tài sản theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty Cổ phần B, Công ty TNHH Phòng khám đa khoa D và ông Bùi Việt V không thực hiện cam kết này thì sẽ bị cưỡng chế theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

**4. Về án phí:** Án phí hòa giải thành số tiền là **134.661.000 đồng** (Một trăm ba mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn đồng) do Công ty Cổ phần B tự nguyện chịu.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **103.263.000 đồng** (Một trăm lẻ ba triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2011/08216 ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành (có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 07 tháng 02 năm 2018) và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND Quận 5;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5;
- Lưu Văn phòng và Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Minh Tường**